

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-PT
Ngày: 10/02/2022
V/v “Tranh chấp đòi quyền
sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Minh Phượng;
ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công A vụ án dân sự thụ lý số 250/2020/TLPT-DS ngày 04/12/2020 về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2021/QĐ-PT ngày 09/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông A, sinh năm 1934 (chết ngày 10/12/2020);

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A:

1.1. Bà B, sinh năm 1956; nơi cư trú: số nhà 13 Tổ 14, ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang.

1.2. Bà D, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang.

1.3. Ông Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang.

1.4. Bà E, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang.

1.5. Bà G, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang.

1.6. Ông H, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: ông I, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp T 2, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2021).

2. Bà B, sinh năm 1956;

Nơi cư trú: số nhà 13 Tổ 14, ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: ông C, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 14, ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà N, sinh năm 1982 (vợ ông C).

2. Anh L, sinh năm 1999 (con ông C), chết ngày 06/12/2020.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Linh:

2.1. Ông C, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 14, ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang (cha anh Linh).

2.2. Bà T, sinh năm 1977; nơi cư trú: số 418, Tổ 06, khóm L, phường T, thị xã B, tỉnh An Giang (mẹ anh Linh).

3. Chị M, sinh năm 2001 (con ông C).

Cùng cư trú: Tổ 14, ấp H, thị trấn V, huyện P, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: ông C, là bị đơn trong vụ án.

Ông H, ông I, ông C có mặt. Các đương sự: B, D, Đ, E, G, N, M, T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải anh H đại diện theo ủy quyền của ông A, bà B trình bày:

Ông A và bà B thừa hưởng của cha ruột ông A để lại có diện tích đất 3.112,10m², do ông A đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0141aC, tờ bản đồ số 10, thửa số 34, cấp ngày 28/3/2005. Vào năm 2016 ông, bà có cho cháu ruột tên C, sinh năm 1977 cùng vợ con ở nhờ trong cái trại mà trước đây gia đình ông A sử dụng chứa thức ăn chăn nuôi cá, có diện tích ngang 2,5m, dài 3m, đến năm 2016 ông C cất thêm khoảng 3m², khi cất không có hỏi ông A bà B, khi ông A bà B thấy ông C cất thêm nên có hỏi thì ông C nói là cất thêm để ở cho rộng khi nào ông A bà B cần thì ông C sẽ trả lại cái trại và tháo dỡ phần làm thêm, có kết cấu nhà sàn, mái thiết, vách ván, khi cho C ở nhờ không có làm giấy tờ chỉ thỏa thuận bằng miệng khi nào gia đình ông A bà B sử dụng thì

ông C trả lại, nhưng đến khi gia đình ông A bà B cần yêu cầu ông C trả lại thì ông C không chịu di dời.

Qua đo đạc thực tế phần đất mà ông C lấn chiếm là $71,8m^2$ Nay yêu cầu ông C, bà N, anh L và chị M phải tháo dỡ di dời nhà ở, nhà vệ sinh và cái trại để trả lại cho ông A bà B diện tích đất $71,8m^2$.

* Ông C trình bày: Vào năm 2014 ông có ở nhờ (ở đậu) trong cái trại của ông A, đôi bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không có làm giấy tờ và cũng không nói là ở đậu bao nhiêu năm thì trả lại. Diện tích tại thời điểm đó ngang khoảng 2,2m, dài 4m, kết cấu nhà sàn, mái tole, vách ván, năm 2015 ông có hỏi ông A cất thêm $3m^2$, nay phía nguyên đơn yêu cầu ông di dời để trả lại cho nguyên đơn ông không đồng ý, vì đất này là của ông nội ông để lại và hiện tại ông cũng không có nơi nào để di dời.

* Bà N, anh L và chị M vắng mặt từ khi Tòa án đưa vào tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người liên quan về việc tranh chấp “Đòi lại quyền sử dụng đất”.

- Buộc ông C, bà N, anh L và chị M phải tháo dỡ di dời căn nhà sàn gỗ tạp, nóng đá, vách gỗ, cột kèo gỗ tạp, mái tole và các tài sản khác để trả lại nền đất tại các điểm 4, 5, 6, 7, 9, 20, 10, 19 có diện tích $33,2m^2$, công trình phụ (nhà vệ sinh), khung sườn, sàn gỗ, vách tole, mái tole tại các điểm 11, 12, 13, 21 có diện tích $2,2m^2$, hai diện tích đất ($33,2m^2$ và $2,2m^2$) nằm trong thửa số 34, tờ bản đồ số 10 theo sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện P lập ngày 11/5/2020 cho ông A và bà B.

- Ông C, bà N, anh L và chị M được lưu cư 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2020, ông C kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 29/01/2021, qua dịch vụ chuyển phát nhanh, ông H cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh thông tin ông A đã chết vào lúc 17 giờ 50 phút ngày 10/12/2020 theo Trích lục khai tử của Ủy ban nhân dân thị trấn V và văn bản cam kết không bỏ sót những người thừa kế của ông A.

Ngày 12/3/2021, khi thực hiện tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh nhận được thông tin anh L đã chết trong tai nạn xe vào ngày 06/12/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/5/2021, ông C cung cấp thông tin mẹ ruột anh L không phải bà N. Bà N là vợ sau của ông, ông và bà N chỉ có một con chung là K đang sống cùng tại căn nhà trên đất đang tranh chấp.

Theo tài liệu ông C cung cấp: trích lục khai sinh L thể hiện cha là C, mẹ là T; trích lục khai sinh K thể hiện cha là C, mẹ là N.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông C trình bày: nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội ông, anh em ai cũng được ở. Ông yêu cầu được tiếp tục ở, đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Nếu buộc di dời, ông yêu cầu hỗ trợ 100.000.000 đồng để tìm nơi ở khác.

Ông I trình bày: ông A đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, ông A có cho ông C ở nhờ. Nay nguyên đơn có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu ông C di dời đi nơi khác, đồng ý hỗ trợ chi phí di dời là 5.000.000 đồng.

Ông H thống nhất với ý kiến của ông I.

Ông C không đồng ý mức hỗ trợ di dời 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: ông C thực hiện quyền kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 273, Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự, người tham gia tố tụng khác cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với Bản án sơ thẩm có kháng cáo:

Ông A và bà B có diện tích đất 3.112,10m², ông A đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0141aC, tờ bản đồ số 10, thửa số 34, cấp ngày 28/3/2005. Năm 2014, ông A có cho ông C ở nhờ. Ông C thừa nhận ở nhờ. Do đó, ông A yêu cầu ông C trả lại đất theo sơ đồ hiện trạng có diện tích 71,8 m² là có cơ sở. Mặc dù pháp luật không có quy định về quyền lưu cư, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện cho ông C lưu cư 06 tháng là phù hợp.

Ông C kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét.

Tuy cấp sơ thẩm có bỏ sót em K tham gia tố tụng, nhưng không làm thay đổi nội dung vụ án.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện P xét xử vào ngày 15/9/2020. Ngày 30/9/2020, ông C kháng cáo. Ông C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự: B, D, Đ, E, G, N, M, T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Ông C kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

[2.1] Về tố tụng:

Ông A khởi kiện yêu cầu ông C tháo dỡ di dời trả lại diện tích ngang 2,5m dài 03m và phần tự cất thêm, đo đạc thực tế là 71,8m² thuộc diện tích 3.112,10m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0141aC, tờ bản đồ số 10, thửa số 34, cấp ngày 28/3/2005. Tòa án nhân dân huyện P thụ lý tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26 và điểm a,c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bản sao sổ hộ khẩu C (BL 20) thể hiện có 04 nhân khẩu là C, L, M, K. Nhưng tại Thông báo số 13/TB-TA ngày 20/4/2020 (BL 63), Tòa án nhân dân huyện P chỉ đưa bà N, anh L, chị M tham gia tố tụng, không đưa em K sinh ngày 07/4/2017 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót. Mặc dù em K chưa đủ 06 tuổi, cha mẹ là người đại diện đương nhiên, nhưng không có văn bản pháp luật nào quy định loại trừ tư cách tham gia tố tụng của em K.

Bên cạnh đó, giai đoạn phúc thẩm, ông A là nguyên đơn trong vụ án đã chết, đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L cũng chết do tai nạn xe, làm phát sinh người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung. Nguyên nhân hủy án có một phần lỗi của cấp sơ thẩm vì bỏ sót người tham gia tố tụng là em K.

[2.2] Về nội dung: do hủy án về tố tụng nên Hội đồng xét xử không nhận định nội dung vụ án. Nội dung vụ án sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Nghĩa vụ chịu án phí và các chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung.

Ông C được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 001465 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện P (1);
- THADS huyện P (1);
- Văn phòng (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Tòa Dân sự (1);
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tổ Giang